

BẢN CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NẤU ĂN

1.	Tổng số học sinh của trường	415	Học sinh			
2.	Số học sinh cắt cơm		Học sinh			
3.	Số học sinh ăn sáng:	415	Học sinh	Tiền ăn:	8.000 đồng	= 3.320.000 đồng
5.	Số học sinh ăn trưa:	415	Học sinh	Tiền ăn:	26.000 đồng	= 10.790.000 đồng
6.	Số học sinh ăn tối:	415	Học sinh	Tiền ăn:	26.000 đồng	= 10.790.000 đồng
8.	Tiền thu:	24.900.000	đồng	60.000		
9.	Tiền chi lương thực, thực phẩm trong ngày:	24.900.000	đồng			
10.	Tiền thiếu:			0	đồng	

Đơn vị thực hiện :

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gạo	Kg	124,5	0	0	
2	Dầu ăn	Lít	20,0	50.000	1.000.000	
3	Nước mắm	Lít	5,0	20.000	100.000	
4	Mỳ chính	Kg	4,0	60.000	240.000	
5	Bột canh	Kg	5,0	25.000	125.000	
6	Muối trắng	Kg		8.000	-	

7	Nước rửa bát	Lít	10,0	12.000	120.000	
8	Nước lau nhà	Lít	10,0	21.500	215.000	
9	Gas đun bếp	Kg	30,0	40.000	1.200.000	
10	Gạo nếp (Xôi sáng)	Kg	51,5	28.000	1.442.000	
11	Thịt băm (Ăn xôi + xào bầu)	Kg	20,0	130.000	2.600.000	
12	Thịt lợn (kho trứng)	Kg	54,0	130.000	7.020.000	
13	Trứng (kho thịt)	Quả	415,0	3.500	1.452.500	
14	Đường (Kho thịt)	Kg	3,0	28.000	84.000	
15	Bí xào thịt băm	Kg	54,0	15.000	810.000	
16	Bí đỏ (Canh)	Kg	25,0	15.000	375.000	
17	Củ đậu	Kg	30,0	20.000	600.000	
18	Thịt gà (Chiên)	Kg	60,5	90.000	5.445.000	
19	Bột chiên	Kg	3,0	45.000	135.000	
20	Susu xào	Kg	50,0	17.000	850.000	
21	Bắp cải (Canh)	Kg	28,0	13.000	364.000	
22	Dưa hấu	Kg	30,0	20.000	600.000	
23	Gừng	Kg	1,3	25.000	32.500	
24	Tỏi	Kg		40.000	-	
25	Hành lá	Kg	2,0	45.000	90.000	
					24.900.000	

BỘ PHẬN NHÀ BẾP

Hương

Lò Thị Hương

THANH TRA NHÂN DÂN

HT

Hoàng Thái Bình

KIỂM NHIỆM KẾ TOÁN CÔNG TY

Nghĩa

Vũ Thị Nghĩa

KẾ TOÁN

Ngọc

Đặng Ánh Ngọc



Lưu Văn Khải

Phan Thị Thu Thảo

